

ĐỀ XUẤT QUY TRÌNH PHÁT TRIỂN KĨ NĂNG TỰ HỌC CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ

Nguyễn Văn Đệ¹,
Nguyễn Thị Thu Hằng^{2,+},
Dương Thị Hằng³,
Thiều Văn Nam⁴

¹Trường Đại học Đồng Tháp; ²Trường Đại học Vinh; ³Nghiên cứu sinh
Trường Đại học Đồng Tháp; ⁴Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang
+Tác giả liên hệ • Email: hangntt@vinhuni.edu.vn

Article history

Received: 10/7/2025

Accepted: 31/7/2025

Published: 20/9/2025

Keywords

Self-study skills, ethnic
boarding students,
educational model, self-study
at high school level

ABSTRACT

General education does not only provide students with knowledge but also skills and attitudes, primarily represented in the four pillars of learning: learn to know, to do, to live with others and to be a human. Learning activities aim to develop students' qualities and competencies with basic, practical, modern knowledge and skills; at the same time, effective learning is demonstrated through the qualities of diligence, honesty, responsibility, helping students apply learnt knowledge and skills to solve problems in their studies and life even while still being at school. This study, through investigating the current status of management activities and contextual challenges related to students' self-study activities at 36 ethnic boarding schools in the Southern region of Vietnam, aims to answer the following questions: (1) What is the level of management of students' self-study activities at ethnic boarding schools? (2) How to improve the quality of students' self-study activities at ethnic boarding schools in Vietnam?

1. Mở đầu

Trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) ở Việt Nam là trường chuyên biệt dành cho HS các dân tộc thiểu số (DTTS), có vai trò quan trọng trong đào tạo nguồn nhân lực cho vùng đồng bào DTTS sinh sống, góp phần vào công cuộc xây dựng phát triển KT-XH của vùng dân tộc, vùng sâu và miền núi. Các nghiên cứu gần đây cũng chỉ ra rằng, hệ thống các trường PTDTNT chưa được quy hoạch hợp lý; đội ngũ CBQL, GV chưa được bồi dưỡng thường xuyên các chuyên đề về giáo dục đặc thù phù hợp với nhiệm vụ giáo dục, dạy học ở trường PTDTNT (Trần Trung, 2018); cơ sở vật chất, thiết bị chưa đáp ứng yêu cầu, chưa tạo được mối liên hệ chặt chẽ giữa người dạy và người học (Lê Hoàng Dự, 2021; Phạm Thị Bích Thủy và Nguyễn Văn Đệ, 2023); hiệu quả học tập của HS chưa cao, phương pháp học tập của họ bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi sự cố vấn của GV mà họ nhận được (Phạm Công Hữu và Thạch Ngọc Tuấn, 2016; Ngô Thị Trinh và Trần Ngọc Ngân, 2023); đặc biệt, việc triển khai hoạt động bảo đảm chất lượng học tập HS ở các trường PTDTNT còn những khó khăn, bất cập; HS người DTTS bỏ học còn nhiều, nhất là nữ sinh thuộc các gia đình nghèo ở vùng sâu, vùng cao (Nguyễn Văn Đệ và cộng sự, 2024). Những hạn chế này cản trở việc hiện thực hóa đầy đủ các mục tiêu giáo dục trong việc thúc đẩy phát triển năng lực học tập cho HS.

Với những động lực này, đang tồn tại một khoảng cách nghiên cứu quan trọng trong việc hiểu cách thức tổ chức hoạt động tự học cho HS hiện đang được quản lý và cung cấp tại các trường PTDTNT khu vực Nam Bộ. Nghiên cứu này sẽ thông qua điều tra tình trạng hiện tại các hoạt động quản lý và những thách thức theo ngữ cảnh về hoạt động tự học của HS tại các trường PTDTNT khu vực Nam Bộ, để trả lời các câu hỏi sau: (1) Mức độ quản lý quá trình hoạt động tự học của HS các trường PTDTNT như thế nào? (2) Làm thế nào để nâng cao chất lượng tự học của HS các trường PTDTNT ở Việt Nam?

Kết quả nghiên cứu sẽ giúp CBQL/GV và HS vận dụng, lựa chọn mô hình dựa trên điều kiện thực tế của từng khu vực để triển khai hoạt động quản lý bảo đảm chất lượng học tập phù hợp với đặc điểm đối tượng HS, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường PTDTNT nhằm đạt hiệu quả mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực cho vùng DTTS, vùng sâu, vùng núi và đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Công cụ nghiên cứu

Nghiên cứu hiện tại sử dụng thiết kế khảo sát định lượng để điều tra một cách có hệ thống về quản lý hoạt động tự học của HS ở các trường PTDTNT. Sử dụng chủ yếu đối tượng là CBQL/GV và HS các trường PTDTNT ở khu vực

Nam Bộ để phân tích, đánh giá về quản lý hoạt động tự học của HS thông qua 05 nội dung được mã hóa: (G1) Quản lý thực hiện mục tiêu tự học của HS, bao gồm 03 biến quan sát (ví dụ: Hình thành động cơ, thái độ tự học để HS có nhu cầu tiếp thu tri thức, kỹ năng, kỹ xảo; Hình thành hành động tự học (hành động phân tích, hành động mô hình hóa, hành động cụ thể hóa, hành động kiểm tra và đánh giá); (G2) Quản lý thực hiện nội dung tự học của HS, bao gồm 04 biến quan sát (ví dụ: Nội dung tự học đặc thù về sử dụng tiếng DTTS của HS; Nội dung tự học về sử dụng công nghệ thông tin); (G3) Quản lý thực hiện phương pháp tự học của HS, bao gồm 04 biến quan sát (ví dụ: Phương pháp thu thập thông tin; Phương pháp xử lý thông tin (phân tích, tổng hợp, so sánh, hệ thống hóa, phán đoán, thống kê thông tin); (G4) Quản lý thực hiện hình thức tổ chức tự học của HS, bao gồm 07 biến quan sát (ví dụ: HS tự học thông qua sách giáo khoa, tài liệu, thông qua phương tiện truyền thông; Tham quan trải nghiệm, thâm nhập thực tế cuộc sống); (G5) Quản lý thực hiện hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả tự học của HS, bao gồm 04 biến quan sát (ví dụ: HS tự kiểm tra, đánh giá và qua đó tự điều chỉnh hoạt động học tập của bản thân; HS được tham gia vào đánh giá lẫn nhau). Các phản hồi được đo lường trên thang điểm Likert 5 điểm từ 1 (hoàn toàn không triển khai) đến 5 (triển khai đầy đủ) và các mục được phân loại theo 05 thành phần cốt lõi: mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức và kiểm tra.

2.1.2. Người tham gia

- Nghiên cứu này sử dụng một mẫu thuận tiện bao gồm: CBQL/GV (368 người) và HS (660 người) nhằm đánh giá thực trạng quản lý hoạt động tự học của HS tại 36 trường PTDTNT khu vực Nam Bộ; khảo sát được tiến hành trong năm học 2024-2025 bằng hình thức online. Phương pháp này được chọn để có được dữ liệu chuẩn từ nhiều đối tượng tham gia; sau đó, cho phép đánh giá suy nghĩ, hoạt động triển khai và các yếu tố ảnh hưởng đến đối tượng. Các bảng câu hỏi có cấu trúc được gửi đến CBQL/GV và HS, tạo điều kiện cho việc phân tích so sánh giữa các nhóm liên quan. Thiết kế khảo sát giúp thu thập được dữ liệu có thể đo lường được; từ đó, được phân tích bằng các phương pháp thống kê mô tả để có được thông tin hữu ích về tình trạng hiện tại và hiệu quả của việc quản lý hoạt động tự học của HS ở các trường PTDTNT.

- Phương pháp phỏng vấn sâu được dùng chủ yếu để nghiên cứu sơ bộ và kiểm tra lại các thông tin với nguồn thông tin thu thập. Mẫu chọn để phỏng vấn sâu được cấu trúc theo phương pháp thuận tiện, cỡ mẫu là 10 người đang tham gia quản lý và giảng dạy tại một số trường PTDTNT khu vực Nam Bộ gồm: 05 CBQL được mã hóa từ C1 đến C5 và 05 GV được mã hóa từ V1 đến V5. Phương pháp tiến hành là trao đổi qua trò chuyện trực tiếp hoặc qua điện thoại nhằm phân tích về năng lực tự học của HS và quản lý hoạt động tự học của HS ở các trường PTDTNT.

- Cơ cấu về giới tính và dân tộc: tỉ lệ CBQL/GV nữ trong mẫu khảo sát là trên 60%; tỉ lệ HS nữ là trên 42%; tỉ lệ HS DTTS là trên 98%. Kết quả khảo sát cũng cho thấy xấp xỉ 100% CBQL/GV ở các trường PTDTNT đã đạt chuẩn về trình độ đào tạo; đặc biệt, hơn 2% có trình độ đào tạo Thạc sĩ.

- Tất cả những người tham gia đều được giải thích rõ ràng rằng, họ có thể tự do rút lui khỏi nghiên cứu bất cứ lúc nào; quyền riêng tư của người tham gia được đảm bảo liên quan đến thông tin họ cung cấp trong bảng câu hỏi; không có câu hỏi hoặc phát biểu nào yêu cầu người tham gia cung cấp tên hoặc trường nơi họ đang công tác và học tập.

2.1.3. Cách thức xử lý số liệu khảo sát

Tất cả các biến quan sát được trong nghiên cứu này đều được đo bằng thang đo Likert 5 điểm, được thiết kế riêng để nắm bắt các mức độ khác nhau về triển khai, hiệu quả hoặc ảnh hưởng, tùy thuộc vào cấu trúc cụ thể đang được đánh giá. Các phản hồi được mã hóa theo số từ 1 (mức thấp nhất) đến 5 (mức cao nhất). Để diễn giải các phản hồi theo thang đo Likert, phạm vi được chia thành 5 khoảng bằng nhau bằng công thức: (Tối đa – Tối thiểu)/Số mức = (5-1)/5 = 0,8. Dựa trên phép tính này, ngưỡng diễn giải được thiết lập như sau: Mức 1: từ 1,0 đến dưới 1,8; Mức 2: từ 1,8 đến dưới 2,6; Mức 3: từ 2,6 đến dưới 3,4; Mức 4: từ 3,4 đến dưới 4,2 và Mức 5: từ 4,2 đến 5,0. Ngoài thống kê mô tả (trung bình và độ lệch chuẩn), nghiên cứu đã đánh giá tính nhất quán nội tại của từng thang đo bằng hệ số Alpha của Cronbach. Giá trị Alpha của Cronbach từ 0,70 trở lên được coi là chấp nhận được, cho thấy các thang đo đã chứng minh được độ tin cậy thỏa đáng khi đo lường các cấu trúc dự định của chúng (Nguyễn Văn Đệ và Phạm Minh Hùng, 2013).

2.2. Kết quả đánh giá thực trạng quản lý quá trình thực hiện hoạt động tự học của học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú ở khu vực Nam Bộ

Bảng 1. Đánh giá thực trạng quản lý quá trình hoạt động tự học của HS các trường PTDTNT ở khu vực Nam Bộ

Thang đánh giá quản lý quá trình thực hiện hoạt động tự học của HS	Tự đánh giá của HS			Đánh giá của CBQL/GV		
	Trị trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (SD)	Hệ số tin cậy (Alpha)	Trị trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (SD)	Hệ số tin cậy (Alpha)
1. Quản lý thực hiện mục tiêu tự học của HS	4.22	0.75	0.73	4.18	0.76	0.80
2. Quản lý thực hiện nội dung tự học của HS	4.08	0.76	0.81	4.16	0.81	0.82

3. Quản lí thực hiện phương pháp tự học của HS	3.28	0.68	0.71	3.32	0.82	0.79
4. Quản lí thực hiện hình thức tổ chức tự học của HS	3.36	0.66	0.75	3.26	0.71	0.75
5. Kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động tự học của HS	3.66	0.81	0.77	3.68	0.75	0.72

Bảng 1 trình bày kết quả đánh giá liên quan đến quản lí quá trình hoạt động tự học của HS các trường PTDTNT ở khu vực Nam Bộ dựa trên phản hồi từ cả HS và CBQL/GV. Về thực hiện mục tiêu tự học, HS tự đánh giá điểm trung bình là $M = 4,22$ ($SD = 0,75$; $\alpha = 0,73$), trong khi người CBQL/GV đưa ra đánh giá với $M = 4,18$ ($SD = 0,76$; $\alpha = 0,80$). Những điểm số này, cho thấy cả hai nhóm đều nhận rõ các mục tiêu như: tự học nhằm làm chủ kiến thức phổ thông, sử dụng thành thạo ngôn ngữ, biết vận dụng hiệu quả kiến thức vào đời sống đã được xác định rõ ràng và triển khai hiệu quả. Tính nhất quán nội bộ của các phản hồi là thỏa đáng đối với HS và đặc biệt cao đối với CBQL/GV, chứng tỏ phép đo đáng tin cậy. Về thực hiện nội dung tự học nhận được đánh giá cao nhất trong số tất cả các thành phần. HS tự đánh giá ở mức $M = 4,08$ ($SD = 0,76$; $\alpha = 0,81$), trong khi người CBQL/GV đưa ra điểm số gần như tương đương là $M = 4,16$ ($SD = 0,81$; $\alpha = 0,82$). Điều này chứng tỏ nội dung tự học về năng lực nhận thức và thực hành như: nội dung có tính thực hành, gắn kết học lí thuyết với thực hành, tri thức lí luận và tri thức thực tiễn, tri thức khoa học với tri thức kinh nghiệm luôn được coi trọng nhằm đáp ứng giáo dục toàn diện cho HS. Các giá trị nhất quán nội bộ cao càng khẳng định thêm độ tin cậy của các đánh giá này.

Đánh giá về phương pháp tự học của HS, điểm trung bình do HS tự đánh giá là $M = 3,28$ ($SD = 0,68$; $\alpha = 0,71$) và CBQL/GV đánh giá thành phần này ở mức $M = 3,32$ ($SD = 0,82$; $\alpha = 0,79$). Kết quả này là khá thấp, chứng tỏ HS các trường PTDTNT chưa thích ứng với phương pháp tự học như: thu thập thông tin (quan sát, lắng nghe, đọc sách, đặt và trả lời câu hỏi) và phương pháp xử lí thông tin (phân tích, tổng hợp, so sánh, hệ thống hóa, phán đoán, thống kê thông tin). Về thực hiện hình thức tổ chức tự học, HS tự đánh giá điểm trung bình là $M = 3,36$ ($SD = 0,66$; $\alpha = 0,75$); CBQL/GV đánh giá cũng chỉ với $M = 3,26$ ($SD = 0,71$; $\alpha = 0,75$). Kết quả này, chứng tỏ hình thức tự học của HS diễn ra không có sự hướng dẫn trực tiếp của GV, như: HS tự học thông qua sách giáo khoa, tài liệu, phương tiện truyền thông, qua tìm hiểu thực tế, học kinh nghiệm của người khác đang gặp khó khăn và đang rất yếu. Với kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động tự học, HS tự đánh giá điểm trung bình là $M = 3,66$ ($SD = 0,81$; $\alpha = 0,77$); CBQL/GV đánh giá $M = 3,68$ ($SD = 0,75$; $\alpha = 0,72$). Theo đó, công tác kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động tự học ở các trường PTDTNT đang tồn tại một số bất cập như: HS chưa tự biết kiểm tra, đánh giá hoạt động tự học của mình, và các hoạt động kiểm tra của GV chưa phù hợp với tính đặc thù của HS người DTTS.

Đánh giá thực hiện triển khai các hoạt động nâng cao năng lực tự học cho HS ở các trường PTDTNT, theo V1: “Các hình thức tổ chức bồi dưỡng năng lực tự học cho HS chưa được tối ưu hóa hoàn toàn hoặc chưa được triển khai đồng bộ”. Quan điểm này cũng được sự đồng tình của V2 và V4. Theo C1: “Kết quả đánh giá tương đối thấp đối với các phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động tự học của HS đang đặt ra nhu cầu đổi mới phương thức dạy học của GV”. Nhận định này được sự đồng tình của C2 và C3. Theo C4: “Khi vào học ở trường PTDTNT rất nhiều HS người Khmer còn thiếu tự tin sử dụng tiếng Việt, còn tiếng Anh thì cảm giác rất xa lạ”. Theo V3: “Khi các em nói chuyện với nhau chủ yếu sử dụng Tiếng Khmer” và quan điểm này được sự đồng tình của V5. Do vậy, việc nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, tiếng Khmer và tiếng Anh cho HS người Khmer có ý nghĩa vô cùng quan trọng; nó không chỉ là phương tiện hỗ trợ giao tiếp, mà quan trọng hơn cả đó là hướng đến mục đích giúp HS ở trường PTDTNT khu vực Nam Bộ nâng cao năng lực tự học. Đồng thời, theo C5: “Trong tổ chức và chỉ đạo, cần chú trọng khuyến khích sự sáng tạo của HS; đặc biệt, cần quan tâm đến tính đặc thù, tính chuyên biệt của HS người Khmer”. Phỏng vấn 05 CBQL và hầu hết đều đồng ý cho rằng: “Đòi hỏi trách nhiệm của các cấp quản lí cần thường xuyên tổ chức, triển khai hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực tự học cho HS người nhằm hướng đến nâng cao chất lượng học tập ở các trường PTDTNT khu vực Nam Bộ”.

Đánh giá chung, dữ liệu phản ánh về mục tiêu tự học được xác định rõ ràng và nội dung hoạt động tự học được chú trọng. Tuy nhiên, khi phân tích nội hàm các chỉ báo, có thể thấy rõ HS các trường PTDTNT ở khu vực Nam Bộ chưa thực sự tự tin với hoạt động tự học; đồng thời, năng lực phân tích, tổng hợp, khái quát hóa còn hạn chế, thiếu toàn diện, khả năng thay đổi hình thức tự học cho phù hợp với hoàn cảnh còn chậm; dẫn đến HS chưa chủ động, chưa tích cực trong hoạt động tự học; và đang thụ động trong quá trình tự học tập.

2.3. Đề xuất quy trình phát triển kĩ năng tự học cho học sinh ở các trường phổ thông dân tộc nội trú

2.3.1. Mục đích phát triển kĩ năng tự học cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú

Phát triển kĩ năng tự học cho HS ở trường PTDTNT là phương hướng có tính quyết định đến việc nâng cao chất lượng học tập của HS; từ đó, giúp cho HS ở trường PTDTNT có khả năng tự học trong giờ học chính khóa (học trên lớp) và ngoài giờ; đồng thời, giúp cho HS chủ động học tập với các phương pháp và kĩ thuật học tập tích cực, phù

hợp với năng lực HS và điều kiện của các trường PTDTNT; rèn luyện cho HS có các kỹ năng tự quản lý hoạt động học tập của bản thân, hình thành thói quen tự học tập, tự nghiên cứu suốt đời.

2.3.2. Nội dung phát triển kỹ năng tự học cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú

- Bồi dưỡng cho HS trường PTDTNT một số kỹ năng tự học hiệu quả như: (1) Kỹ năng đọc hiểu tích cực; (2) Kỹ năng lắng nghe chủ động; (3) Kỹ năng ghi chép hiệu quả khi nghe giảng và đọc tài liệu; (4) Kỹ năng phản hồi tích cực (phân tích, phản biện, thuyết trình); (5) Kỹ năng lựa chọn tài liệu học tập phù hợp; (6) Kỹ năng sử dụng các phương tiện học tập, khai thác tài liệu học tập hiện đại hiệu quả (Công nghệ thông tin và truyền thông).

- Hình thành cho HS trường PTDTNT các kỹ năng tự quản lý hoạt động học tập của bản thân như: (1) Rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch học tập; (2) Rèn luyện kỹ năng nghe và ghi chép bài học trên lớp; (3) Rèn luyện kỹ năng đọc sách giáo khoa và tài liệu môn học; (4) Rèn luyện kỹ năng làm bài tập ở nhà; (5) Rèn luyện kỹ năng tự kiểm tra, đánh giá quá trình học tập.

2.3.3. Quy trình phát triển kỹ năng tự học cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú

- *Bước 1. Tổ chức cho HS lập kế hoạch tự học tập*; trong kế hoạch cần quan tâm: (1) Đảm bảo thời gian tự học cho từng môn học tương xứng với thời lượng thông tin của môn học đó; (2) Đảm bảo đa dạng hóa các hình thức tự học tập; (3) Đảm bảo thời gian hợp lý giữa tự học và nghỉ ngơi; và (4) Đảm bảo tính mềm dẻo và tính thực tế của kế hoạch.

- *Bước 2. Tổ chức thực hiện hoạt động bồi dưỡng, tập huấn, thực hành các kỹ năng tự học cho HS*: (1) GV hướng dẫn lý thuyết về tự học, đây là bước nhận thức quan trọng đối với HS, giúp HS chuyển hoá từ quan niệm tự học có tính bắt buộc, cưỡng chế ở HS sang nhận thức tích cực (tự học là cho cá nhân, để đạt được mục đích tự thân). Không ít HS còn chưa có ý niệm đúng về tự học, một số biểu hiện chưa hiệu quả trong tự học bao gồm: học thụ động, thiếu tư duy phản biện; hoặc: luôn trao đổi để thoải mái tò mò, hoặc gây mất trật tự, hoặc có thái độ uể oải, chán học, làm việc riêng. Do vậy, phải làm tốt bước này đối với HS đầu cấp; đối với HS trung bình, yếu kém lại càng cần phải chú trọng, trước khi chuyển sang bước tiếp sau; (2) GV làm mẫu các kỹ năng tự học, yêu cầu GV làm mẫu rõ ràng, có tác dụng như công thức áp dụng cho HS khi tự học; chẳng hạn: kỹ năng lập kế hoạch trong tự học, kỹ năng đọc sách, ghi chép, với các yêu cầu, các bước hết sức cụ thể, càng chi tiết càng tốt, ở dưới dạng học lý thuyết hay thực hành đều phải làm mẫu cụ thể; (3) GV yêu cầu HS thực hiện theo mẫu, chú ý đến từng loại đối tượng: giỏi, khá, trung bình, yếu kém; từ đó, kịp thời điều chỉnh những lệch lạc, uốn nắn những sai lầm của HS khi luyện tập; (4) GV giao nhiệm vụ tự học với mức khó ngày càng cao cho HS.

- *Bước 3. Hướng dẫn HS thực hiện rèn luyện kỹ năng nghe, ghi chép bài học trên lớp và làm bài tập ở nhà*; cụ thể: (1) Chuẩn bị nghe giảng, HS cần phải tự củng cố bài cũ, tự củng cố kiến thức bài học trước để nghe giảng được tốt hơn; đồng thời, HS cần tự đọc trước nội dung bài giảng ở sách giáo khoa, xác định nội dung cần thiết phải nghe giảng để tập trung hiểu bài, đặt sự chú ý của mình vào những lưu ý đó trong bài sắp nghe giảng; (2) Quá trình nghe giảng, HS cần huy động kiến thức nền liên quan để hiểu nội dung bài; từ đó, phát hiện kiến thức mới ở bài học đang nghe giảng, HS phải tự khám phá cùng giải quyết vấn đề học tập với GV để đi đến kiến thức cần khai thác, lĩnh hội; (3) Ghi chép khi nghe giảng, có nhiều cách ghi chép khi nghe giảng, HS cần rèn luyện cách nào cho thuận tiện và phù hợp sở thích của mình cho việc học tập hiệu quả như: ghi tốc ký nguyên lời GV giảng; ghi những điều HS thấy cần thiết; ghi khái quát theo cách hiểu của bản thân; (4) Ôn tập sau khi nghe giảng, đây là bước tự củng cố kiến thức bài học, tự nhìn lại bài học đã được ghi chép của bản thân sau quá trình nghe giảng. Quá trình này giúp HS nhớ lâu bài, nhớ nhiều kiến thức quan trọng, bổ sung, điều chỉnh, sửa chữa những chỗ ghi chép khó hiểu, chưa chính xác, tự mình hệ thống hóa lại kiến thức đã học một cách khoa học, giúp HS nắm vững kiến thức hơn; (5) Rèn luyện kỹ năng làm bài tập ở nhà và tự kiểm tra, tự đánh giá kết quả học tập, mỗi HS sẽ vận dụng các tri thức đã học kết hợp với sự sáng tạo của cá nhân để giải quyết các tình huống do bài tập đưa ra; trong đó, kỹ năng làm bài tập của HS phải được rèn luyện hằng ngày sau khi nghe giảng trên lớp. Đồng thời, HS cần chú trọng phát triển kỹ năng tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau với nhiều hình thức như: theo lời giải/đáp án mẫu, tự kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện công việc so với kế hoạch đề ra của quá trình nghe giảng và ghi chép trên lớp, quá trình đọc sách, quá trình làm bài tập về nhà và tự làm bài tập kiểm tra; hoặc tự xác định tiêu chí để có thể phê phán, tìm được nguyên nhân và nêu cách sửa chữa các sai sót.

- *Bước 4. Triển khai các hoạt động hỗ trợ từ GV cho hoạt động tự học của HS*; cụ thể: (1) Người GV cần biết cách khơi dậy tính tích cực, tự giác, chủ động của HS để hình thành và phát triển năng lực tự học (sử dụng sách giáo khoa, nghe, ghi chép, tìm kiếm thông tin); trên cơ sở đó, phát triển tính linh hoạt, độc lập, sáng tạo của HS; (2) Căn cứ vào tính đặc thù của HS ở các trường PTDTNT, GV cần có những hình thức tổ chức dạy học thích hợp như: học cá nhân, học nhóm, học trong lớp, học ở ngoài lớp; đồng thời, GV cần chuẩn bị tốt về phương pháp đối với cả giờ lý

thuyết và giờ thực hành để đảm bảo yêu cầu rèn luyện kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, nâng cao hứng thú cho HS ở trường PTDTNT vốn thiếu tự tin; (3) Chú trọng rèn luyện cho HS biết khai thác sách giáo khoa và các tài liệu học tập, thông tin qua Internet để tự tìm lại những kiến thức đã có, suy luận để tìm tòi và phát hiện kiến thức mới.

2.3.4. Điều kiện thực hiện quy trình phát triển kỹ năng tự học cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú

Tự học để mở rộng và đào sâu những kiến thức theo năng khiếu, sở trường; tìm ra tri thức bằng hành động của chính mình, hoàn thiện kiến thức, kỹ năng học tập có trách nhiệm và tự giám sát lẫn nhau trong hoạt động học tập là điều cốt lõi nhất; đó là con đường ngắn nhất để HS ở trường PTDTNT tiếp cận năng lực, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Do vậy, các bước cơ bản trong quy trình quản lý nhằm nâng cao năng lực tự học cho HS ở trường PTDTNT phải được thực hiện đồng bộ; đặc biệt, chú ý bước luyện tập thường xuyên với những yêu cầu vừa sức nhưng độ khó ngày càng cao. Điểm mấu chốt của các biện pháp tổ chức tự học nhằm phát triển kỹ năng tự học cho HS ở các trường PTDTNT là phải chú ý tập trung rèn luyện kỹ năng học nhóm; GV tăng cường biện pháp kiểm tra hoạt động tự học trên lớp; đồng thời, GV tăng cường kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ tự học qua giờ học ngày hôm sau.

3. Kết luận

Nghiên cứu này đã đánh giá tình trạng hiện tại về quản lý hoạt động tự học của HS tại 36 trường PTDTNT khu vực Nam Bộ, tập trung vào nhận thức của các bên liên quan về việc triển khai các hoạt động quản lý. Các phát hiện cho thấy quản lý hoạt động tự học của HS được đánh giá cao và được triển khai hiệu quả về mặt nội dung và mục tiêu. Tuy nhiên, các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động tự học được đánh giá ở mức trung bình, cho thấy các lĩnh vực cần phát triển.

Để giải quyết khoảng cách này, một số khuyến nghị khả thi được đề xuất: (1) Cần tăng cường đổi mới phương pháp dạy học của GV; (2) Với HS, phải xác định hoạt động tự học là hoạt động tự giác, tích cực, chủ động tiếp nhận nhiệm vụ, kế hoạch học tập do GV đề ra; tiến hành thực hiện những hành động, thao tác nhận thức về tự học, qua đó cải tiến chất lượng học tập; (3) Quá trình tự học của HS không có sự hướng dẫn trực tiếp của GV cần đặc biệt được chú trọng; theo đó: HS tự lập kế hoạch cụ thể hóa các nhiệm vụ học tập của mình; tự tổ chức hoạt động học tập phù hợp với phương pháp và phương tiện của cá nhân; tự kiểm tra, đánh giá và qua đó tự điều chỉnh hoạt động học tập của bản thân; tự phân tích các kết quả hoạt động học tập để cải tiến phương pháp học tập của mình.

Lời cảm ơn: Nhóm tác giả cảm ơn sự tài trợ của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) qua đề tài “Nghiên cứu quản lý đảm bảo chất lượng giáo dục học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú ở Việt Nam đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018”, mã số: NCUĐ.05-2022.16.

Tài liệu tham khảo

- Lê Hoàng Dự (2021). *Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục ở các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Cà Mau trong bối cảnh đổi mới giáo dục*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh Cà Mau, theo Quyết định số 279/QĐ-SKH-CN ngày 06/10/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau về việc công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh.
- Ngô Thị Trinh, Trần Ngọc Ngân (2023). Nhận diện một số yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng bỏ học của học sinh trung học cơ sở vùng dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay. *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc*, 12(3), 64-69. <https://doi.org/10.54163/ncdt/187>
- Nguyễn Văn Đệ, Phạm Minh Hùng (2013). *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Văn Đệ, Trần Đại Nghĩa, Phạm Hồng Quang, Dương Thị Hằng (2024). Nghiên cứu tổng quan về quản lý hoạt động học tập của học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú ở Việt Nam. *Tạp chí Giáo dục*, 24(11), 1-7.
- Phạm Công Hữu, Thạch Ngọc Tuấn (2016). Nguyên nhân và nhân tố ảnh hưởng đến sự bỏ học của học sinh dân tộc Khmer ở huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ*, 44, 45-55. <https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2016.503>
- Phạm Thị Bích Thủy, Nguyễn Văn Đệ (2023). Thực trạng quản lý hoạt động học tập của học sinh theo hướng tiếp cận năng lực ở các trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Bình Phước. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Đồng Tháp*, 12(03S), 257-267. <https://doi.org/10.52714/dthu.12.03S.2023.1166>
- Trần Trung (2018). *Hệ thống hóa đánh giá các nghiên cứu về dân tộc và công tác dân tộc ở Việt Nam từ 1986 đến nay*. Đề tài Khoa học công nghệ cấp Quốc gia về Dân tộc, mã số: CT.DT.02.06.CTDT/16-20.